



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng Khoán Vietcap

Ngày 31/12/2025	35,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.2%	-	-4.6%

DT thuần Q4/25
749
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 82.0 12.3%
YoY: ▲ 311 71.0%

LN thuần Q4/25
48.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.9 482%
YoY: ▲ 29.7 161%

LN sau thuế Q4/25
8.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.41 64.4%
YoY: ▲ 2.07 31.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
224%
YoY: +/- ▲ 0.9%

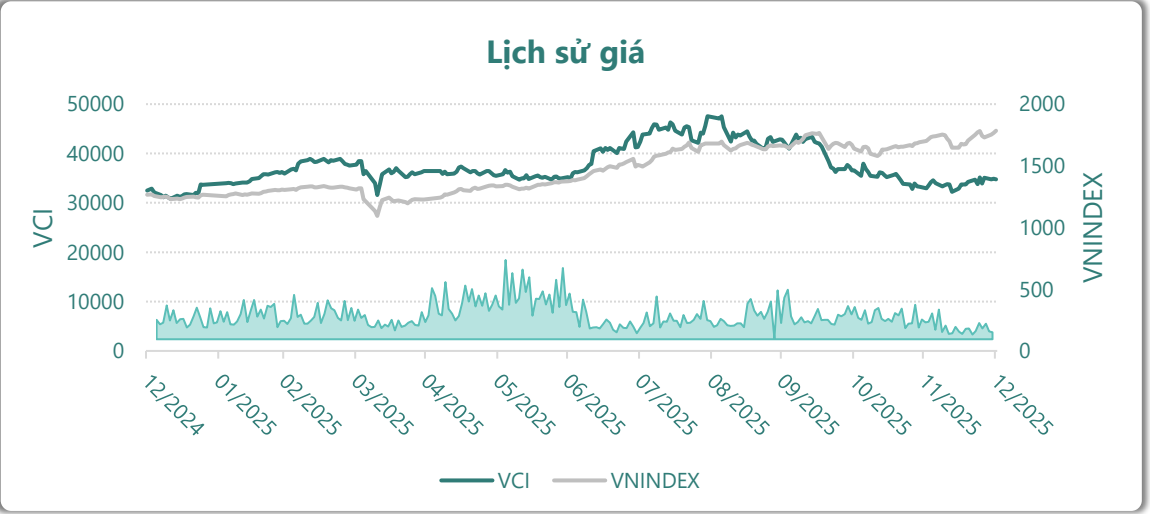
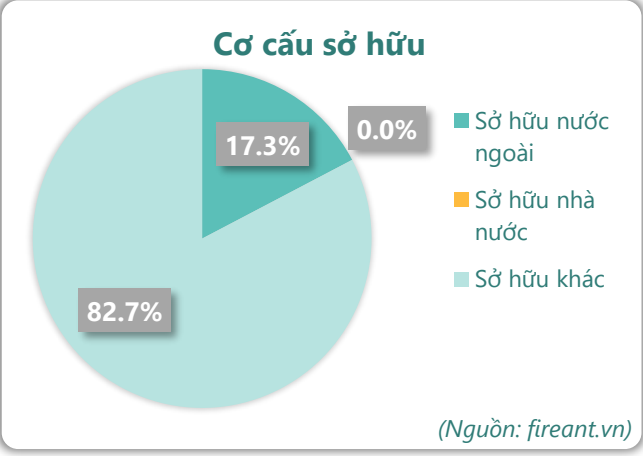
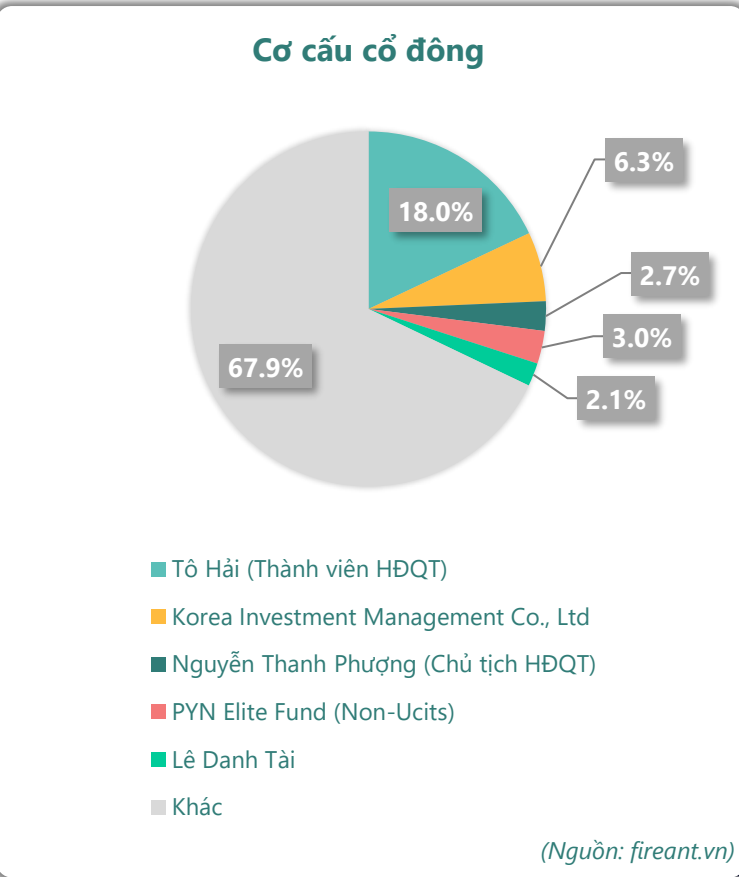
ROE 2025

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	30,822 - 47,554
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30,009
Số lượng CPLH (CP)	850,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,574,250
Sở hữu nước ngoài	17.3%
Beta	1.25
EPS	1,579
P/E	22.4

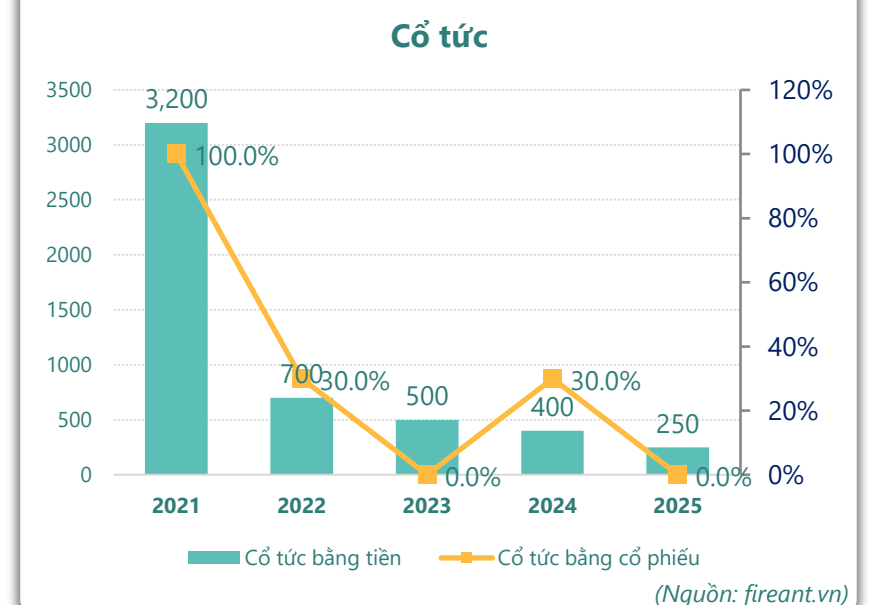
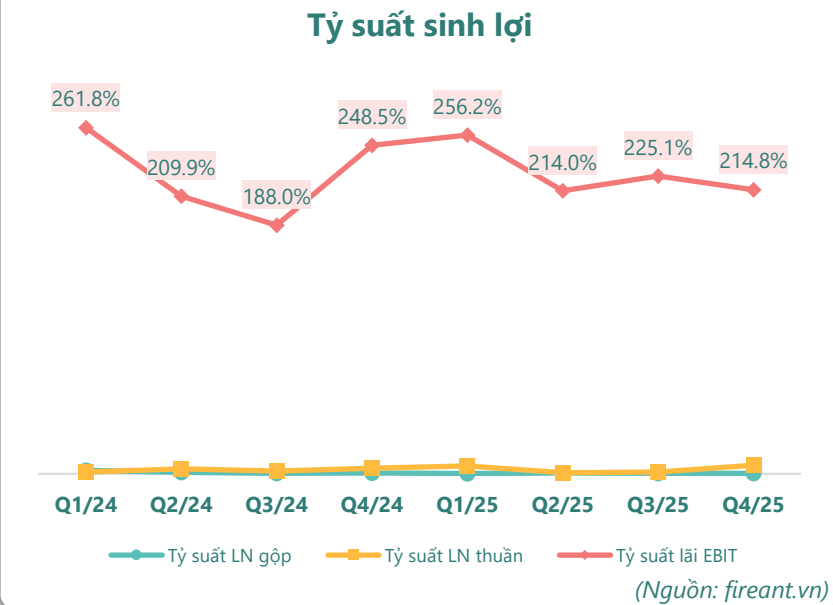
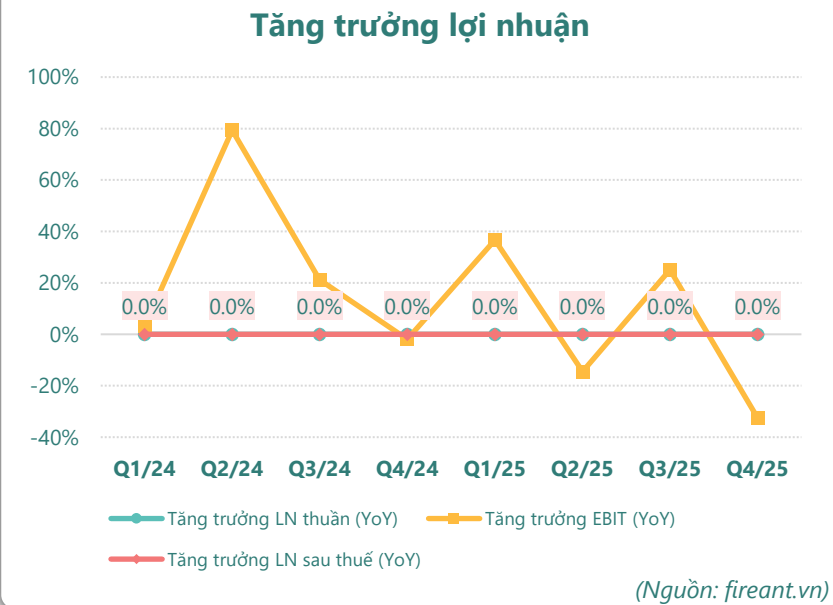
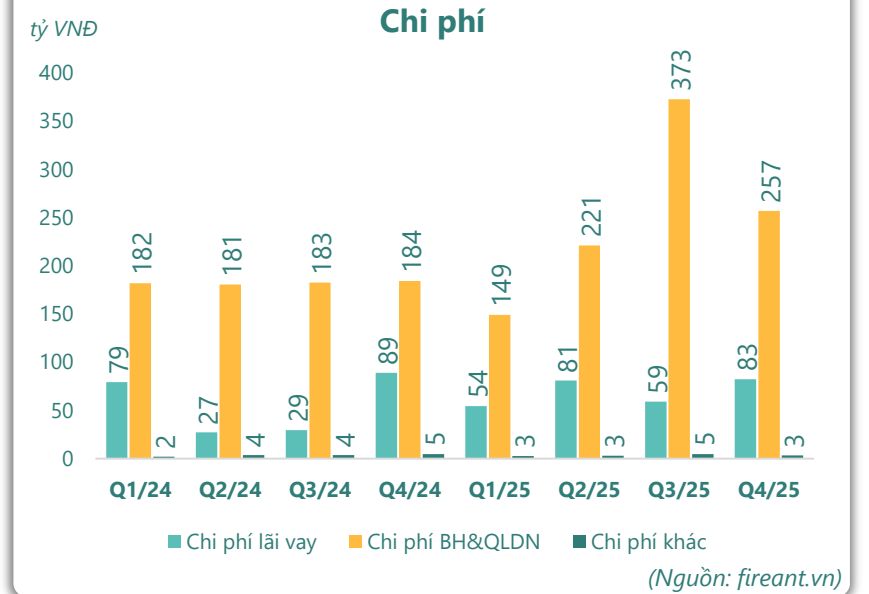
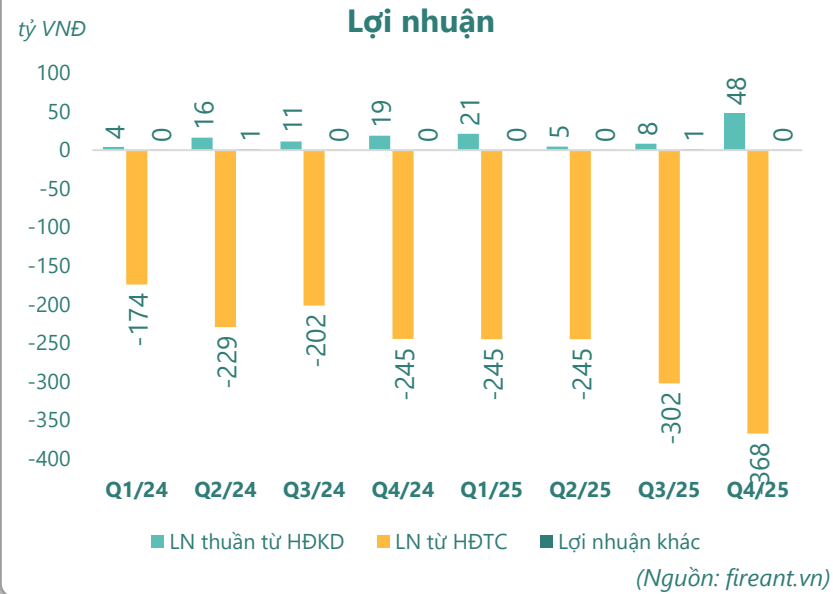
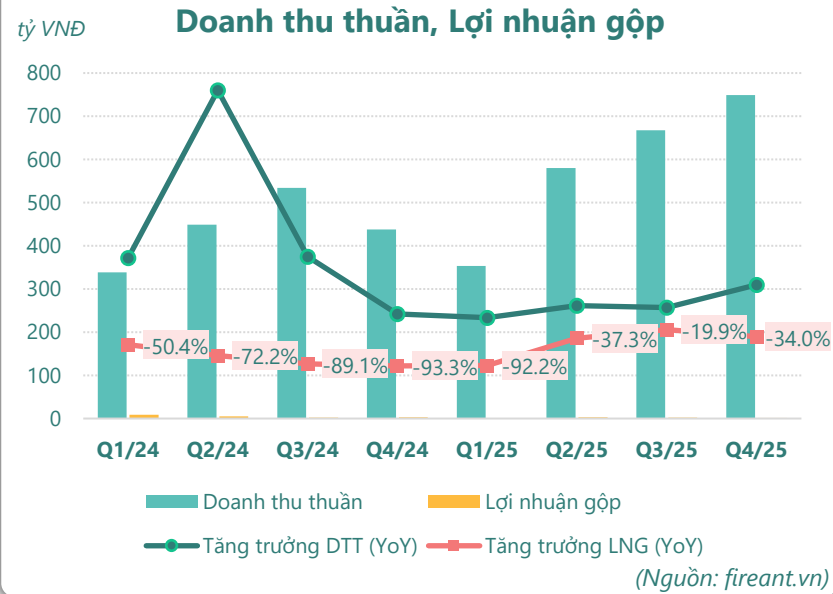
DT thuần 2025
2,349
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 590 33.5%

LN thuần 2025
82.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.8 62.8%

LN sau thuế 2025
8.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.33 183%



KẾT QUẢ KINH DOANH

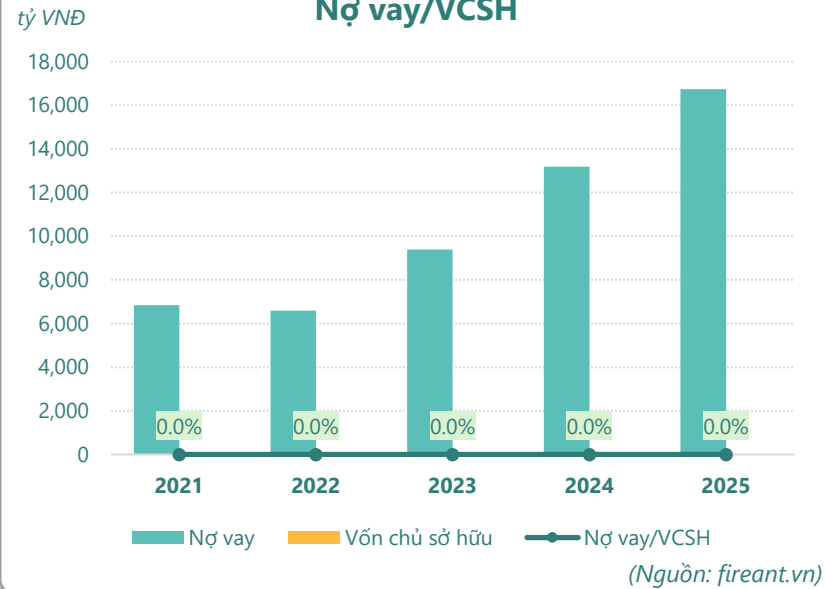


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

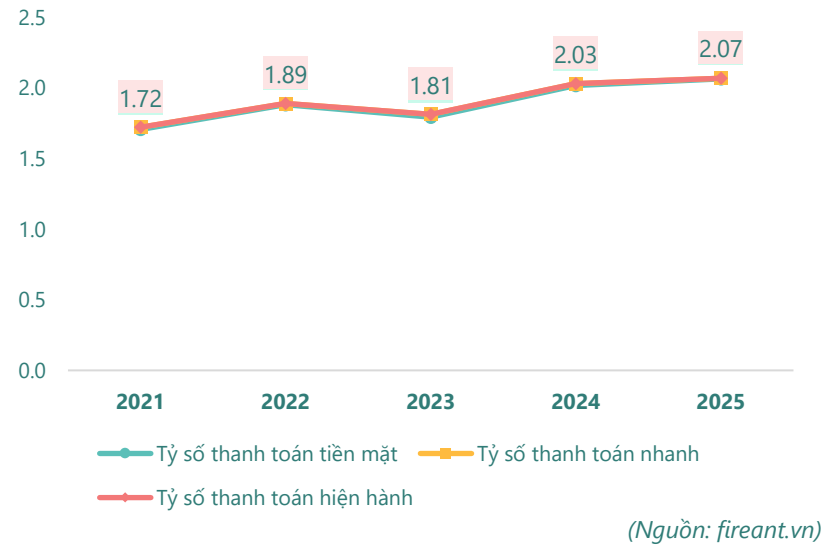


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

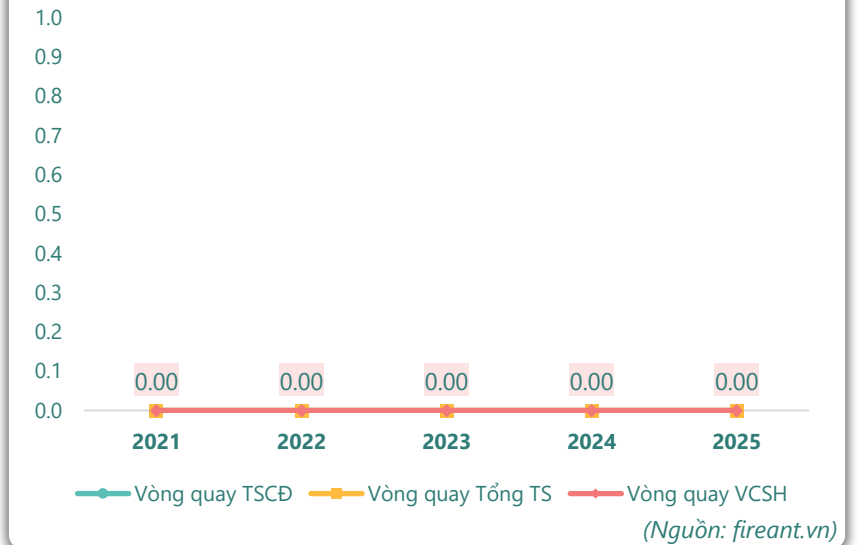
Nợ vay/VCSSH



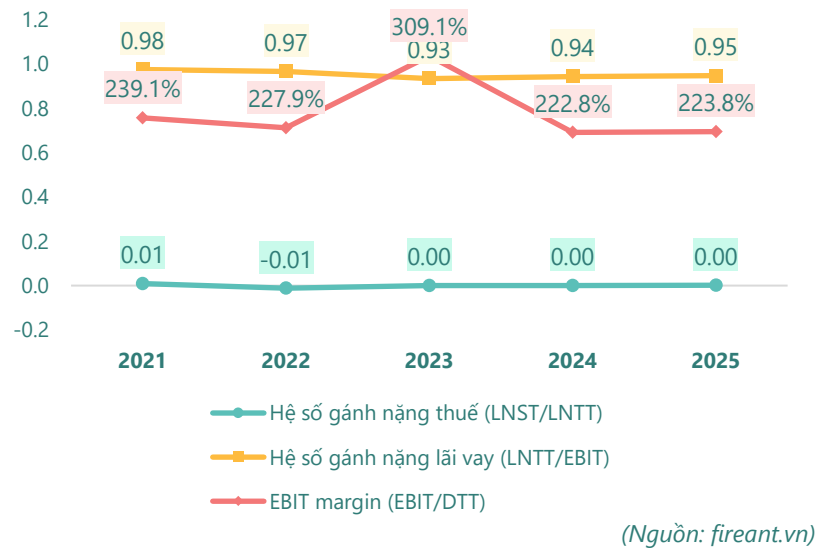
Chỉ số thanh khoản



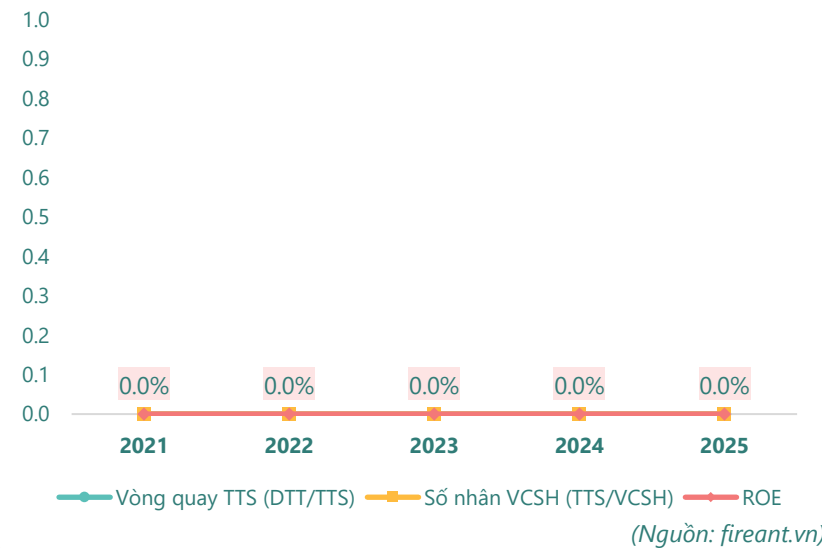
Vòng quay tài sản



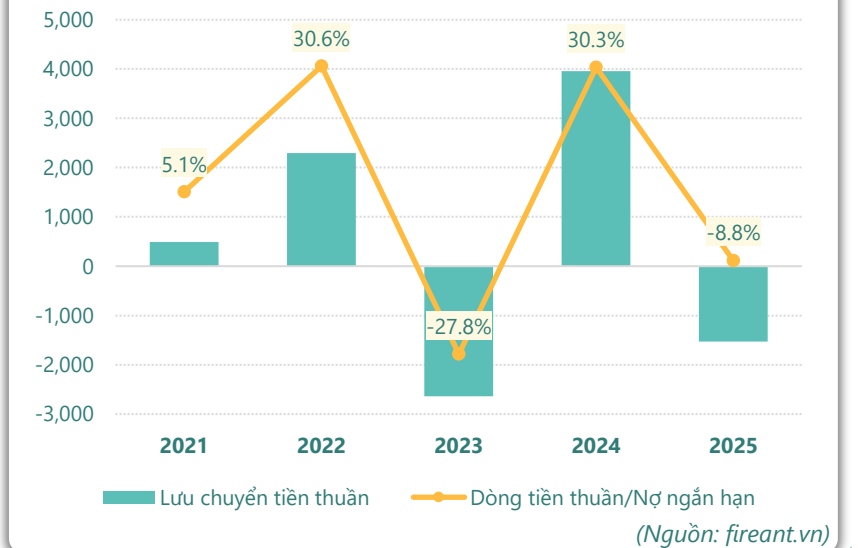
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	749	438	71.0%	2,349	1,759	33.5%
Giá vốn hàng bán	-0.46	2.47	-118%	-0.61	0.47	-230%
Lợi nhuận gộp	1.72	2.61	-34.0%	7.40	18.8	-60.5%
Doanh thu HĐTC	8.52	7.34	16.0%	44.2	23.1	91.0%
Chi phí TC	376	252	49.3%	1,205	873	38.0%
Chi phí lãi vay	82.5	88.9	-7.2%	277	225	23.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	257	184	39.7%	1,000	730	37.1%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	48.2	18.5	161%	82.4	50.6	62.8%
Lợi nhuận khác	0.20	0.35	-41.9%	1.37	1.31	4.5%
LN trước thuế	1,526	999	52.8%	4,980	3,696	34.8%
Lợi nhuận sau thuế	8.70	6.63	31.2%	8.25	2.92	183%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	498	-3,551	10.3	-120	-5,130	-3,552
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.69	-11.5	-9.34	-17.9	-8.27	-21.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,856	5,763	-2,442	-1,693	7,303	4,150
Tiền đầu kỳ	3,903	2,544	4,744	2,302	472	2,637
Lưu chuyển tiền thuần	-1,360	2,200	-2,442	-1,830	2,165	577
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2,544	4,744	2,302	472	2,637	3,214

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	35,869	26,492	35.4%
Tiền và tương đương tiền	35,790	26,323	36.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	13,308	8,409	58.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	31.3	33.1	-5.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	58.9	58.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.47	8.08	4.8%
Lợi thế thương mại	10.2	10.2	0.2%
Nợ phải trả	17,996	13,648	31.9%
Nợ ngắn hạn	17,325	13,038	32.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16,065	12,574	27.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	671	609	10.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

